|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG  **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *An Giang, ngày … tháng … năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH   
Nội dung dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin  
sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang  
với quy định pháp luật hiện hành**

|  |  |
| --- | --- |
| **DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT** | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 1.** Thống nhất quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang, như sau:  1. Phạm vi điều chỉnh  a) Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm, thuê các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang.  b) Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.  2. Đối tượng áp dụng  a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.  b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang).  c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang | **1. Phạm vi điều chỉnh:** được xác định căn cứ theo các nội dung cụ thể được quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.  **2. Các đối tượng áp dụng:** được xác định căn cứ theo các nội dung cụ thể quy định tại điểm c khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP và các đối tượng có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết. |
| **Điều 2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ**  1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở và cấp quốc gia ủy quyền cho tỉnh An Giang quản lý) sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.  b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.  c) Thủ trưởng Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mua sắm tài sản đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng.  2.Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang  a)Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.  b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ (Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh An Giang; Hiệp Hội nghề nuôi và chế biến thuỷ sản tỉnh An Giang…) quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị đến dưới 05 tỷ đồng mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này).  c) Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng.  d) Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thẩm quyền quyết định việc mua sắm áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện mua sắm, tổ chức đầu thầu và lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan. | **1. Về thẩm quyền quyết định:** được xác định căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.  **2. Về định mức phân cấp thẩm quyền quyết định đề xuất:** cơ sở đề xuất mức phân cấp tại dự thảo Nghị quyết dựa trên:  a) Tham khảo theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15: “Gói thầu chào hàng cạnh tranh *không quá 05 tỷ đồng* là những gói thầu thông dụng, đơn giản”; theo điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm *không quá 200 triệu đồng*.  b) Tham khảo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 24/2024/NQ-HNND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. Đồng thời, tham khảo định mức phân cấp ở một số tỉnh như Sơn La, Hoà Bình, Điện Biên...  Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất định mức phân cấp theo Điều 2 dự thảo Nghị quyết nhằm tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong công tác đầu tư, mua sắm các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang, phù hợp theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. |
| **Điều 3. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm, thuê các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang**  1. Thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.  b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 5 tỷ đồng tại đơn vị mình và trên 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng đối với gói thầu, nội dung mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc quản lý trong phạm vi dự toán đã được cơ quan thẩm quyền giao.  c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá dưới 200 triệu đồng.  2. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này là người có thẩm quyền quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường (dịch vụ theo yêu cầu riêng) trong lĩnh vực công nghệ thông tin. | **1. Về thẩm quyền quyết định:** được xác định căn cứ theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.  **2. Về định mức phân cấp thẩm quyền đề xuất:** Cơ sở đề xuất mức phân cấp tại dự thảo Nghị quyết dựa trên:  a) Tham khảo theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15: “Gói thầu chào hàng cạnh tranh *không quá 05 tỷ đồng* là những gói thầu thông dụng, đơn giản”; theo điểm c khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm *không quá 200 triệu đồng*.  b) Tham khảo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 24/2024/NQ-HNND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. Đồng thời, tham khảo định mức phân cấp ở một số tỉnh như Sơn La, Hoà Bình, Điện Biên...  Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất định mức phân cấp theo Điều 3 dự thảo Nghị quyết nhằm tăng tính chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong công tác đầu tư, mua sắm các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang, phù hợp theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. |
| **Điều 4. Tổ chức thực hiện**  Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. | Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Nghị quyết. |
| **Điều 5. Hiệu lực thi hành**  Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2025. | Thời gian hiệu lực thi hành của Nghị quyết. |